

**TCVN**

**TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**

**TCVN 6259-1B:2003/SĐ 2:2005**

**QUY PHẠM PHÂN CẤP VÀ ĐÓNG TÀU BIỂN VỎ THÉP -  
PHẦN 1B: QUY ĐỊNH CHUNG VỀ PHÂN CẤP TÀU**

*Rules for the classification and construction of sea-going steel ships - Part 1A: General regulations for the classification*

**HÀ NỘI - 2005**

**QUI PHẠM PHÂN CẤP VÀ ĐÓNG TÀU BIỂN VỎ THÉP**

**PHẦN 1B QUI ĐỊNH CHUNG VỀ PHÂN CẤP**

*Rules for the Classification and Construction of Sea-going Steel Ships*

**Part 1B General Regulations for the Classification**

**CHƯƠNG 1 QUI ĐỊNH CHUNG**

**1.1 Kiểm tra**

1.1.5 được bổ sung mới mục -2 như sau:

- 2 Bất kể những qui định nêu ở 1.1.3-2, kiểm tra máy tàu theo kế hoạch có thể được hoãn như qui định ở -1(1) hoặc (2), miễn là việc kiểm tra này được thực hiện tại thời điểm kiểm tra định kỳ.

CHƯƠNG 2 KIỂM TRA PHÂN CẤP

**2.1 Kiểm tra phân cấp trong đóng mới**

**2.1.2 Các bản vẽ và hồ sơ trình duyệt**

**2.1.2-1(1) (v) được sửa đổi như sau:**

(v) Sơ đồ bố trí các phương tiện dập cháy ( việc bố trí, số lượng và kiểu của các bơm chữa cháy, họng cứu hoả, vòi rồng v.v...) và sơ đồ bố trí hệ thống khí trơ, nếu có (bố trí chung, các sơ đồ đường ống có nêu rõ vật liệu, kích thước, áp suất thiết kế của các ống van v.v..., các chi tiết của từng bộ phận và sơ đồ các thiết bị điều khiển, kể cả thiết bị báo động, an toàn và giám sát của hệ thống đó).

Bản vẽ thể hiện bố trí chung đối với phương tiện tiếp cận hoặc bản hướng dẫn tiếp cận kết cấu thân tàu, nếu áp dụng, như đã xác định ở Chương 33 Phần 2A và Chương 24 Phần 2B.

**2.1.2-1(1) (x) được sửa đổi như sau:**

(x) Tầm nhìn lâu lái

Sơ đồ và số liệu được qui định ở 1.1.4 Phần 12, nếu chiều dài toàn bộ của tàu  $L_{oa} \geq 55$  m

Bổ sung mới 2.1.2-1(1) (z):

(z) Sơ đồ bố trí thiết bị kéo và chằng buộc được nêu ở 25.2 Phần 2A hoặc 21.2 Phần 2B.

**2.1.3 Trình hồ sơ và các bản vẽ khác.**

Bổ sung mới (13) như sau:

(13) Bản tính độ bền, chú ý đến tải trọng thiết kế, kèm theo các cơ cấu đỡ kết cấu thân tàu riêng biệt của thiết bị kéo và chằng buộc nêu ở 25.2 Phần 2A hoặc 21.2 Phần 2B.

**2.3 Thử nghiêng lệch và thử đường dài**

**2.3.1 Thử nghiêng lệch.**

Bổ sung mục - 4 như sau:

4 Nếu trên tàu đặt một máy tính để tính toán ổn định (cùng với bản thông báo ổn định) thì phải có một bản hướng dẫn sử dụng máy tính kèm theo. Sau khi máy tính được lắp đặt lên tàu, phải tiến hành thử hoạt động để đảm bảo chắc chắn rằng máy tính này làm việc chính xác.

### CHƯƠNG 3 KIỂM TRA HÀNG NĂM

(Đổi tên chương 3 cũ : Kiểm tra duy trì cấp )

#### 3.1 Kiểm tra hàng năm thân tàu, trang thiết bị, thiết bị chữa cháy và phụ tùng

##### 3.1.1 Kiểm tra hồ sơ và bản vẽ.

Bổ sung vào cuối **Bảng 1B/3.1** dòng 7 sau đây:

7	Bản vẽ bố trí các thiết bị kéo và chằng buộc	Đối với tàu có bố trí thiết bị kéo và chằng buộc: Bản vẽ bố trí ở trên tàu theo các yêu cầu của <b>25.2, Phần 2A hoặc 21.2, Phần 2B</b> . Việc kiểm tra 1 trong 2 bản vẽ được giữ ở trên tàu phải được thực hiện
---	--	---

##### 3.1.2 Kiểm tra chung.

Trong **Bảng 1B/3.2**, số của những hạng mục từ “17” đến “20” tương ứng được sửa thành “18” đến “21”

Bổ sung hạng mục 16 như sau:

16	Buồm và phụ tùng của chúng	Buồm và phụ tùng của chúng phải được kiểm tra trong điều kiện được đặt đúng chỗ và sẵn sàng mở ra.
----	----------------------------	--

Bổ sung hạng mục 17 như sau:

17	Thiết bị kéo và chằng buộc	Đối với những tàu yêu cầu phải ghi dấu tải trọng làm việc an toàn ( SWL) trên thiết bị kéo và chằng buộc theo yêu cầu của <b>25.2, Phần 2A hoặc 21.2, Phần 2B</b> , phải kiểm tra dấu hiệu đó ở trên thiết bị.
----	----------------------------	--

##### 3.1.3 Thử khả năng hoạt động.

Bổ sung vào cuối **Bảng 1B/3.3** dòng 8 như sau:

8	Máy tính để tính toán ổn định.	Phải tiến hành thử hoạt động đối với những máy tính để tính toán ổn định như là một phụ bản của bản thông báo ổn định, được đặt ở trên tàu vào giai đoạn bắt đầu đóng mới hoặc sau ngày 01/01/2005.
---	--------------------------------	---

### 3.4 Kiểm tra định kỳ thân tàu, trang thiết bị, thiết bị chữa cháy và phụ tùng

3.4.5 Sửa đổi như sau:

#### 3.4.5 Kiểm tra tiếp cận

Trong **Bảng 1B/3.16**, tất cả các cụm từ “Tất cả các tấm boong nằm trong đường lỗ khoét miệng khoang giữa các miệng khoang hàng” được sửa thành “ Tất cả các tấm boong và kết cấu dưới boong nằm trong đường lỗ khoét miệng khoang giữa các miệng khoang hàng”.

#### 3.4.6 Đo chiều dày

**Bảng 1B/3.17**, được bổ sung sửa đổi như sau:

Kiểm tra định kỳ	Kết cấu được đo chiều dày
Kiểm tra định kỳ lần thứ 2 (tàu trên 5 tuổi đến 10 tuổi).	1. Khu vực có nghi ngờ. 2. Các thành phần kết cấu trong phạm vi chiều dài vùng xếp hàng: (1) Hai tiết diện ngang của tấm boong, nằm ngoài đường lỗ khoét miệng khoang hàng. (2) Tất cả các tấm boong mà khi xếp gỗ súc hoặc các hàng hoá khác có xu hướng đẩy nhanh quá trình ăn mòn. 3. Các thành phần kết cấu tối thiểu sau đây để đánh giá chung và lập biên bản quá trình ăn mòn: (1) Tất cả các sườn mạn ở khoang hàng phía mũi, bao gồm cả mã nút của chúng; (2) Một số lượng thoả đáng (tối thiểu bằng 1/4 tổng số) các sườn mạn, bao gồm cả mã nút của chúng, tại phần trước, giữa và phần sau của cả hai mạn trong mỗi khoang hàng còn lại; (3) Các thành phần kết cấu khác chịu sự kiểm tra tiếp cận; (4) Các dải tôn chắn gió và nước trong vùng những tiết diện đang xét theo 2(1) nói trên.
Kiểm tra định kỳ lần thứ 3 (tàu trên 10 tuổi đến 15 tuổi).	1. Khu vực có nghi ngờ. 2. Các thành phần kết cấu trong phạm vi chiều dài vùng xếp hàng: (1) Mỗi tấm boong nằm ngoài đường lỗ khoét miệng khoang hàng; (2) Hai tiết diện ngang, một ở vùng giữa tàu và một nằm ngoài vùng lỗ khoét miệng khoang hàng. 3. Các thành phần kết cấu tối thiểu sau đây để đánh giá chung và lập biên bản quá trình ăn mòn: (1) Tất cả các sườn mạn ở khoang hàng phía mũi và một khoang hàng được chọn khác, bao gồm cả mã nút của chúng;

**SỬA ĐỔI 2: 2005 TCVN 6259- 1B: 2003**

	<ul style="list-style-type: none"> <li>(2) Một số lượng thoả đáng (tối thiểu bằng 1/2 tổng số) các sườn mạn, bao gồm cả mã nút của chúng, tại phần trước, giữa và phần sau của cả hai mạn trong mỗi khoang hàng còn lại;</li> <li>(3) Các thành phần kết cấu khác chịu sự kiểm tra tiếp cận;</li> <li>(4) Các kết cấu bên trong kết nút mũi;</li> <li>(5) Các dải tôn chắn gió và nước trong phạm vi chiều dài vùng xếp hàng;</li> <li>(6) Các dải tôn chắn gió và nước được chọn nằm ngoài vùng xếp hàng.</li> </ul>
<p>Kiểm tra định kỳ lần thứ 4 và các định kỳ tiếp theo (tàu trên 15 tuổi).</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Khu vực có nghi ngờ</li> <li>2. Các thành phần kết cấu trong phạm vi chiều dài xếp hàng:             <ul style="list-style-type: none"> <li>(1) Mỗi tấm boong nằm ngoài đường lỗ khoét miệng khoang hàng;</li> <li>(2) Ba tiết diện ngang, một ở vùng giữa tàu và hai tiết diện ngoài vùng lỗ khoét miệng khoang hàng;</li> <li>(3) Mỗi tấm đáy.</li> </ul> </li> <li>3. Các thành phần kết cấu tối thiểu sau đây để đánh giá chung và lập biên bản quá trình ăn mòn:             <ul style="list-style-type: none"> <li>(1) Tất cả các sườn mạn bao gồm cả mã nút của chúng ở mọi khoang hàng;</li> <li>(2) Các thành phần kết cấu khác chịu sự kiểm tra tiếp cận.</li> </ul> </li> <li>4. Các kết cấu bên trong kết nút mũi.</li> <li>5. Tất cả các tấm boong chính lộ thiên nằm ngoài vùng chiều dài khoang hàng.</li> <li>6. Các tấm boong thượng tầng hở đại diện (boong vùng đuôi, lầu lái và thượng tầng mũi).</li> <li>7. Tất cả các tấm tôn giữa đáy (ky) trên suốt chiều dài, thêm vào đó là các tấm đáy nằm trong vùng buồng máy, khoang cách ly và nút sau của các kết.</li> <li>8. Tấm tôn của hộp thông biển. Tôn vỏ ở khu vực xả mạn nếu đang kiểm viên thấy cần thiết.</li> <li>9. Các thành phần kết cấu qui định ở từ 4 đến 6 đối với lần kiểm tra định kỳ thứ 3.</li> </ul>